

Số: 152/2026/QĐST-HNGĐ

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: chị Ninh Thị T, S ngày 12/7/1990;

Địa chỉ: thôn Q, xã L, tỉnh Bắc Ninh;

Số CCCD: 024190010487.

- Bị đơn: anh Phạm Ngọc S, S ngày 25/9/1988;

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh;

Số CCCD: 024088013054.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ninh Thị T và anh Phạm Ngọc S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cho chị Ninh Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Ninh M Anh, S ngày 12/8/2021 (số định danh

cá nhân: 024221010474) và cháu Ninh Y Anh, S ngày 12/12/2024 (Giấy chứng S số: GCS010153, ngày 15/12/2024 do Bệnh viện sản nhi Bắc Giang cấp) cho đến khi mỗi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Ngọc S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2.3. Về án phí: Chị Ninh Thị T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: 0005631 ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Bắc Ninh. Hoàn trả chị Ninh Thị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;;
- Phòng THADS khu vực 5- Bắc Ninh;
- UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Huân**